

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HSST

Ngày: 02 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và bà Nguyễn Thị Hòe

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Hoàng Giang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Bách, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức C, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 11 năm 1999 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT: **Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**; nơi ở hiện tại: **Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Đức D** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị P**; **C** là con duy nhất trong gia đình; có vợ **Nguyễn Thị H** (đã ly hôn); có 01 người con, sinh năm 2021; tiền án: có 01, ngày 29/9/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2023 đến ngày 13/10/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Trương Thị Thu T**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
2. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983; địa chỉ: **số A, đường F, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
3. Chị **Nguyễn Thị Thu A**, sinh năm 1984; địa chỉ: **tổ dân phố F, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
4. Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
5. Chị **Mai Thị Thu H1**, sinh năm 1971; địa chỉ: **số C, ngõ B, đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
6. Chị **Nguyễn Kim P1**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Ngõ I, đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
7. Chị **Trần Thị Cẩm N**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Ngõ A đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
8. Chị **Lữ Thị X**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Số C, đường H, phường B, thành phố Đ**, vắng mặt.
9. Chị **Nguyễn Thị Thúy H2**, sinh năm 1983, địa chỉ: **số A đường F, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
10. Chị **Phan Thị H3**, sinh năm 1976, địa chỉ: **Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
11. Chị **Mai Thị T1**, sinh năm 1994, địa chỉ: **Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
12. Chị **Trương Thị Mỹ L1**, sinh năm 1991, địa chỉ: **Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
13. Chị **Võ Thị H4**, sinh năm 1982, địa chỉ: **Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
14. Chị **Hoàng Thị Hoài T2**, sinh năm 1976, địa chỉ: **Thôn T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.
15. Chị **Võ Thị K**, sinh năm 1969, địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.

16. Anh **Phan Ngọc L2**, sinh năm 1990, địa chỉ: **Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.

17. Chị **Trần Thị Hồng V**, sinh năm 1997, địa chỉ: **Thôn A, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.

18. Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1990, địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.

19. Anh **Nguyễn Quang Đ**, sinh năm 1974, địa chỉ: **Thôn N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.

20. Chị **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1964, địa chỉ: **Thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2023 đến tháng 10/2023, thông qua tài khoản Facebook lấy tên “**H5**” kèm số điện thoại của mình, **Nguyễn Đức C** đã cho 20 người vay tiền với 28 gói vay, tổng số tiền cho vay là 390.000.000 đồng với mức lãi suất 365%/năm, thu lợi bất chính 108.709.589 đồng, cụ thể:

1. **Nguyễn Thị H** vay 03 gói, cụ thể: Gói 1: Khoảng đầu tháng 5 năm 2023, **C** cho chị **H** vay với số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 250.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **H** đã trả đủ gốc và lãi số tiền 6.250.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất được tính là $(250.000 \text{ đồng} \times 25 - 5.000.000 \text{ đồng}) / 5.000.000 \text{ đồng} \times (365/25) \times 100\% = 365\%/1 \text{ năm}$. Gói vay này chị **H** đã thanh toán đủ 25 ngày, với số tiền lãi thu được là $(25 \times 250.000 - 5.000.000) \times (25/25) = 1.250.000 \text{ đồng}$. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, mức lãi suất cao nhất mà **C** được phép thu (20%/năm từ các gói vay) là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 25/365 = 68.493 \text{ đồng}$ thì **C** đã thu lợi bất chính số tiền là $1.250.000 \text{ đồng} - 68.493 \text{ đồng} = 1.181.507 \text{ đồng}$. Cộng với số tiền phí 500.000 đồng thì tổng số tiền Chiếm thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

Gói 2: Khoảng đầu tháng 6 năm 2023, **C** cho chị **H** vay với số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 250.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay

500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **H** đã trả đủ gốc và lãi số tiền 6.250.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm. Gói vay này chị **H** đã thanh toán đủ 25 ngày, tổng số tiền Chiến thu lợi bất chính là 1.681.507 đồng.

Gói 3: Ngày 22/6/2023, **C** cho chị **H** vay với số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 250.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng, trả trong 25 ngày lãi suất 365%/năm. Gói vay này chị **H** đã trả góp được 17 ngày với tổng số tiền là 4.250.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm. Gói vay này chị **H** mới thanh toán 17 ngày. Áp dụng Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì số tiền Chiến thu lợi bất chính được tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2023 đến ngày 05 tháng 10 năm 2023 (thời điểm cơ quan Công an phát hiện và ngăn chặn), đủ với 25 ngày trả góp gói vay. Với cách tính như trên thì **C** thu lợi bất chính số tiền 1.681.507 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

*2. Người vay **Nguyễn Thị Thúy H2** vay 01 gói cụ thể:*

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, **C** cho chị **H2** vay với số tiền 30.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.000.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **H2** trả đủ tiền gốc và lãi 37.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **H2** đã thanh toán đủ 25 ngày, với tổng số tiền Chiến thu lợi bất chính là 8.089.041 đồng.

*3. Người vay **Trần Thị Cẩm N** vay 01 gói, cụ thể:*

Ngày 23 tháng 9 năm 2023, **C** cho chị **N** vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **N** đã trả góp được 12 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Số tiền còn lại chị **N** chưa trả.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **N** đã thanh toán 12 ngày. Tuy nhiên khi áp dụng Nghị quyết hướng dẫn thì tiền lãi **C** được hưởng tương đương với 13 ngày thì **C** thu lợi bất chính gồm tiền phí và lãi gói vay là 1.728.767 đồng.

*4. Người vay **Nguyễn Thị Thu A** vay 01 gói, cụ thể:*

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, **C** cho chị **Thu A** vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **Thu A** đã trả góp được 23 ngày với tổng số tiền là 11.500.000 đồng. Số tiền còn lại chưa trả.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **Thu A** đã thanh toán 23 ngày. Tuy nhiên khi áp dụng Nghị quyết hướng dẫn thì tiền lãi **C** được hưởng tương đương với 25 ngày. Với cách tính như trên thì **C** thu lợi bất chính số tiền 2.863.014 đồng bao gồm cả tiền phí gói vay.

5. Người vay **Trương Thị Thu T** vay 03 gói, cụ thể:

- Gói 1: Khoảng đầu tháng 7 năm 2023, **C** cho chị **T** vay với số tiền 30.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 2.400.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **T** đã trả đủ gốc và lãi số tiền 37.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **T** đã thanh toán đủ 25 ngày, với tổng số tiền Chiếm thu lợi bất chính là 9.489.041 đồng.

- Gói 2: Khoảng đầu tháng 8 năm 2023, **C** cho chị **T** vay với số tiền 30.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 2.400.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **T** đã trả đủ gốc và lãi số tiền 37.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **T** đã thanh toán đủ 25 ngày, với tổng số tiền Chiếm thu lợi bất chính là 9.489.041 đồng.

- Gói 3: Ngày 29 tháng 9 năm 2023, **C** cho chị **T** vay với số tiền 30.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 2.400.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **T** đã trả góp được 07 ngày với tổng số tiền là 10.500.000 đồng. Số tiền còn lại chưa trả.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **T** đã thanh toán 07 ngày. **C** thu lợi bất chính số tiền 4.384.932 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

6. Người vay **Nguyễn Kim P1** vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, **C** cho chị **P1** vay số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 250.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **P1** đã trả góp được 03 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng. Số tiền còn lại chưa trả.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **P1** đã thanh toán 03 ngày. **C** thu lợi bất chính số tiền 641.781 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

7. Người vay **Mai Thị Thu H1** vay 02 gói, cụ thể:

- Gói 1: Ngày 20 tháng 9 năm 2023, **C** cho chị **H1** vay với số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 250.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **H1** đã trả đủ gốc và lãi số tiền 6.250.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **H1** đã thanh toán đủ gói vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính **C** thu được là 1.681.507 đồng.

- Gói 2: Ngày 03 tháng 10 năm 2023, **C** cho chị **H1** vay với số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 250.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 300.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **H1** đã trả góp được 3 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng. Số tiền còn lại chưa trả.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **H1** đã thanh toán 03 ngày. **C** thu lợi bất chính số tiền 441.781 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

8. Người vay **Hoàng Thị L** vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 16 tháng 9 năm 2023, **C** cho chị **L** vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.000.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **L** đã trả góp được 19 ngày với tổng số tiền là 9.500.000 đồng. Số tiền còn lại chưa trả.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **L** đã thanh toán 19 ngày. Tuy nhiên khi áp dụng Nghị quyết hướng dẫn thì tiền lãi **C** được hưởng tương đương với 20 ngày. Với cách tính như trên thì **C** thu lợi bất chính số tiền 2.890.411 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

9. Người vay **Lữ Thị X** vay 04 gói, cụ thể:

- Gói 1: Ngày 15 tháng 8 năm 2023, **C** cho chị **X** vay với số tiền 15.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 750.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.300.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **X** đã trả đủ gốc và lãi số tiền 18.750.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **X** đã thanh toán đủ gói vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính **C** thu được là 4.844.521 đồng.

- Gói 2: Ngày 27 tháng 8 năm 2023, **C** cho chị **X** vay với số tiền 15.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 750.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.300.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **X** đã trả đủ gốc và lãi số tiền 18.750.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **X** đã thanh toán đủ gói vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính **C** thu được là 4.844.521 đồng.

- Gói 3: Ngày 10 tháng 9 năm 2023, **C** cho chị **X** vay với số tiền 20.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.600.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **X** đã trả đủ gốc và lãi số tiền 25.000.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị **X** đã thanh toán đủ gói vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính **C** thu được là 6.326.027 đồng.

- Gói 4: Ngày 25 tháng 9 năm 2023, C cho chị X vay với số tiền 20.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.600.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị X đã trả góp được 12 ngày với số tiền 12.000.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị X đã thanh toán 12 ngày. C thu lợi bất chính số tiền 3.868.493 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

10. Người vay Phan Ngọc L2 vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 04 tháng 6 năm 2023, C cho anh L2 vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.000.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này anh L2 đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này anh L2 đã thanh toán đủ gói vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính C thu được là 3.363.014 đồng.

11. Người vay Mai Thị T1 vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, C cho chị T1 vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.000.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị T1 đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị T1 đã thanh toán đủ 25 ngày vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính C thu được là 3.363.014 đồng.

12. Người vay Võ Thị K vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, C cho chị K vay với số tiền 20.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.000.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị K đã trả đủ gốc và lãi số tiền 25.000.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị K đã thanh toán đủ 25 ngày vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính C thu được là 5.726.027 đồng.

13. Người vay Phan Thị H3 vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, C cho chị H3 vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 700.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị H3 đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị H3 đã thanh toán đủ 25 ngày vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính C thu được là 3.063.014 đồng.

14. Người vay Trương Thị Mỹ L1 vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, C cho chị L1 vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị L1 đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị L1 đã thanh toán đủ 25 ngày vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính C thu được là 2.863.014 đồng.

15. Người vay Hoàng Thị Hoài T2 vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, C cho chị T2 vay với số tiền 20.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 800.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị T2 đã trả đủ gốc và lãi số tiền 25.000.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm, với tổng số tiền thu lợi bất chính C thu được là 5.526.027 đồng.

16. Người vay Lưu Thị Kiều A1 vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, C cho chị A1 vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị A1 đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

Gói vay này chị A1 đã thanh toán đủ 25 ngày vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính C thu được là 2.863.014 đồng.

17. Người vay Võ Thị H4 vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 24 tháng 9 năm 2023, C cho chị H4 vay với số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.000.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị H4 đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

C thu lợi bất chính số tiền 3.363.014 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

18. Người vay Trần Thị Hồng V vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, C cho chị V vay với số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị V đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm.

C thu lợi bất chính số tiền 2.863.014 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

19. Người vay Nguyễn Quang Đ vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, C cho anh Đ vay với số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 500.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 500.000 đồng,

trả trong 25 ngày. Gói vay này anh **D** đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 12.500.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm. **C** thu lợi bất chính số tiền 2.863.014 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

20. Người vay **Nguyễn Thị Y** vay 01 gói, cụ thể:

Ngày 02 tháng 9 năm 2023, **C** cho chị **Y** vay với số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng cả gốc và lãi, tiền phí gói vay 1.500.000 đồng, trả trong 25 ngày. Gói vay này chị **Y** đã trả đủ số tiền cả gốc và lãi là 25.000.000 đồng.

Với cách thức vay, thanh toán tiền vay như trên thì mức lãi suất là 365%/1 năm. **C** thu lợi bất chính số tiền 6.226.027 đồng bao gồm tiền phí gói vay.

(BL: 98-189, 191-194, 201-206, 208-239, 240-278, 321-326, 329-334)

* Cơ quan điều tra đã tạm giữ số vật chứng sau:

1. 01 (một) hộp chứa 50 card visit có nội dung “Cho vay tiêu dùng”, “Alo là có 0786570967 (**H5**);

2. 01 (một) tập có chứa 100 tờ giấy A5 có nội dung “Cho vay tiêu dùng”, “Alo là có 0786570967 (**H5**);

3. 01 (một) giấy khai sinh số 331 mang tên **Lê Thị Diễm M**, sinh ngày 07/8/1999 quê quán **T**;

4. 01 bản sao căn cước công dân số 044176000435 mang tên **Hoàng Thị Hoài T2**, sinh ngày 08/8/1976 và bản sao hộ khẩu **Hoàng Thị Hoài T2**;

5. 01 (một) CCCD số 044176000673 mang tên **Phan Thị H3** cấp ngày 28/10/2022;

6. 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341715740 cấp ngày 26/01/2018 mang tên **Trần Thị Cẩm N**;

7. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đồng, đã bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

8. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, lưng màu bạc, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong;

Vật chứng có số thứ tự từ 1 đến 6 kèm theo hồ sơ vụ án. Vật chứng có số thứ tự từ 7 đến 8 đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản Cáo trạng số 517/VKS-P3 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố: **Nguyễn Đức C** về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức C** phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình

sự, xử phạt: **Nguyễn Đức C** từ 09 - 12 tháng tù; áp dụng Điều 65, Điều 56 Bộ luật Hình sự chuyển hình phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo thành 36 tháng tù và tổng hợp hình phạt nhiều bản án, buộc bị cáo **Nguyễn Đức C** phải chấp hành cả hai bản án; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc bị cáo **Nguyễn Đức C** sử dụng cho 20 người vay, đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, trong số tiền trên bị cáo **Nguyễn Đức C** đã thu lại số tiền gốc 352.750.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại mà người vay chưa trả là 37.250.000 đồng cần buộc nhưng người vay (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước;

Đối với số tiền lãi 4.690.411 đồng mà bị cáo thu của người vay là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước; Buộc bị cáo **Nguyễn Đức C** trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính thực tế là: 108.709.592 đồng;

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu và lưu hồ sơ vụ án gồm các vật chứng sau:

1. 01 (một) hộp chứa 50 card visit có nội dung “Cho vay tiêu dùng”, “Alo là có 0786570967 (**H5**);

2. 01 (một) tập có chứa 100 tờ giấy A5 có nội dung “Cho vay tiêu dùng”, “Alo là có 0786570967 (**H5**);

3. Đối với giấy khai sinh số 331 mang tên **Lê Thị Diễm M**, sinh ngày 07/8/1999 quê quán **T** nhưng quá trình điều tra không xác định được nên lưu hồ sơ vụ án;

4. 01 bản sao căn cước công dân số 044176000435 mang tên **Hoàng Thị Hoài T2**, sinh ngày 08/8/1976 và bản sao hộ khẩu **Hoàng Thị Hoài T2**;

* Chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình để trả lại các giấy tờ sau cho những người liên quan gồm:

- Trả lại cho **Phan Thị H3**: 01 (một) CCCD số 044176000673 mang tên **Phan Thị H3** cấp ngày 28/10/2022;

- Trả lại cho **Trần Thị Cẩm N**: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341715740 cấp ngày 26/01/2018 mang tên **Trần Thị Cẩm N**;

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo **Nguyễn Đức C**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đồng, đã bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, lưng màu bạc, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong (Vật chứng 02 chiếc điện thoại di động trên đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Đức C khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp cả về mặt thời gian và địa điểm phạm tội, cụ thể: Từ đầu năm 2023 đến tháng 10 năm 2023, Nguyễn Đức C đã cho 20 người trên địa bàn thành phố Đ và các huyện thuộc tỉnh Quảng Bình vay với 28 gói vay, tổng số tiền cho vay 390.000.000 đồng, mức lãi suất 365%/năm vượt quá 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 108.709.592 đồng (bao gồm tiền lãi bất chính 80.909.592 đồng, tiền phí 27.800.000 đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức C đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố.

[3] Đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người dân cần tiền để cho vay với lãi suất cao đến 365%/năm vượt quá 18,25 lần so với mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính. Hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng, chống tội phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm do bị cáo phạm tội đang trong thời gian thử thách của án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 274/2020/HSPT ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm. Do bị cáo phạm tội đang trong thời gian thử thách của án treo nên cần áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự để chuyển 36 tháng tù cho hưởng án treo thành 36 tháng tù và tổng hợp hình phạt nhiều bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai bản án.

[4] Trong vụ án này: Theo danh sách người vay do bị cáo [Nguyễn Đức C](#) giao nộp và trích xuất từ điện thoại của bị cáo [Nguyễn Đức C](#) xác định có 40 người vay tiền của [C](#). Cơ quan cảnh sát điều tra [Công an tỉnh Q](#) đã tiến hành xác minh và có đủ căn cứ khởi tố, điều tra và truy tố [Nguyễn Đức C](#) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự đối với 20 người vay nêu trên. Ngoài ra, có 20 người vay còn lại xác định có mức lãi suất vượt quá 100%, Cơ quan điều tra đã thực hiện nhiều biện pháp xác minh như thông báo tìm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, làm công văn tra cứu số điện thoại người vay, phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, vận động người vay trình báo nhưng không có kết quả. Vì vậy không đủ căn cứ để kết luận đối với hành vi cho 20 người vay tiền này của [Nguyễn Đức C](#).

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

[6.1] Đối với số tiền 390.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo [Nguyễn Đức C](#) sử dụng cho 20 người vay, đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, trong số tiền trên bị cáo [Nguyễn Đức C](#) đã thu lại số tiền gốc 352.750.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại mà người vay chưa trả là 37.250.000 đồng cần buộc những người vay (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Chị [Nguyễn Thị H](#) phải nộp lại số tiền 750.000 đồng;

Chị **Trương Thị Thu T** phải nộp lại 19.500.000 đồng; chị **Nguyễn Kim P1** phải nộp lại 4.250.000 đồng; Chị **Mai Thị Thu H1** phải nộp lại 4.250.000 đồng; chị **Hoàng Thị L** phải nộp lại 500.000 đồng; Chị **Lữ Thị X** phải nộp lại 8.000.000 đồng.

[6.2] Đối với số tiền lãi 4.690.411 đồng (lấy tròn số 4.690.000 đồng) mà bị cáo thu của người vay là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3] Buộc bị cáo **Nguyễn Đức C** hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính thực tế là: 108.709.592 đồng, cụ thể: Chị **Nguyễn Thị H** (3 gói vay): 5.044.521 đồng; chị **Nguyễn Thị Thúy H2** 8.089.041 đồng; chị **Trần Thị Cẩm N** 1.728.767 đồng; chị **Nguyễn Thị Thu A** 2.863.014 đồng; Chị **Trương Thị Thu T** (3 gói vay) 23.363.014 đồng; chị **Nguyễn Kim P1** 641.781 đồng; Chị **Mai Thị Thu H1** (2 gói vay) 2.123.288 đồng; chị **Hoàng Thị L** 2.890.411 đồng; chị **Lữ Thị X** (4 gói vay) 19.883.562 đồng; anh **Phan Ngọc L2** 3.363.014 đồng; chị **Mai Thị T1** 3.363.014 đồng; chị **Võ Thị K** 5.726.027 đồng; chị **Phan Thị H3** 3.063.014 đồng; chị **Trương Thị Mỹ L1** 2.863.014 đồng; chị **Hoàng Thị Hoài T2** 5.526.027 đồng; chị **Lưu Thị Kiều A1** 2.863.014 đồng; chị **Võ Thị H4** 3.363.014 đồng; chị **Trần Thị Hồng V** 2.863.014 đồng; anh **Nguyễn Quang Đ** 2.863.014 đồng; chị **Nguyễn Thị Y** 6.226.027 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

* Lưu hồ sơ vụ án gồm các vật chứng sau:

- 01 (một) hộp chứa 50 card visit có nội dung “Cho vay tiêu dùng”, “Alo là có 0786570967 (**H5**);

- 01 (một) tập có chứa 100 tờ giấy A5 có nội dung “Cho vay tiêu dùng”, “Alo là có 0786570967 (**Hoàng**);

- Đối với giấy khai sinh số 331 mang tên **Lê Thị Diễm M**, sinh ngày 07/8/1999 quê quán **T** nhưng quá trình điều tra không xác định được nên lưu hồ sơ vụ án;

- 01 bản sao căn cước công dân số 044176000435 mang tên **Hoàng Thị Hoài T2**, sinh ngày 08/8/1976 và bản sao hộ khẩu **Hoàng Thị Hoài T2**;

* Chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình để trả lại các giấy tờ sau cho những người liên quan gồm:

- Trả lại cho **Phan Thị H3**: 01 (một) CCCD số 044176000673 mang tên **Phan Thị H3** cấp ngày 28/10/2022;

- Trả lại cho **Trần Thị Cẩm N**: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341715740 cấp ngày 26/01/2018 mang tên **Trần Thị Cẩm N**;

* Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo **C**:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đồng, đã bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, lưng màu bạc, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong. Đây là phương tiện bị cáo **C** sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Vật chứng 02 chiếc điện thoại di động trên đang được tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2024).

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.435.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức C** đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Áp dụng khoản 2 Điều 201, các điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 5 Điều 65, Điều 56 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: **Nguyễn Đức C** 09 (chín) tháng tù và tổng hợp hình phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 274/2020/HSPT ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa chuyển thành 36 tháng tù. Hình phạt chung cả hai bản án buộc bị cáo **Nguyễn Đức C** phải chấp hành là **45 (Bốn mươi lăm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2020 đến ngày 01/3/2020 và từ ngày 05/10/2023 đến ngày 13/10/2023.

3. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước tại bị cáo **Nguyễn Đức C** số tiền 352.750.000 đồng mà bị cáo **C** dùng vào việc phạm tội và tiền lãi 4.690.000 đồng, tổng cộng: 357.440.000 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

- Buộc những người vay (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) nộp lại số tiền vay chưa trả là 37.250.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Chị **Nguyễn Thị H** phải nộp lại số tiền 750.000 đồng; Chị **Trương Thị Thu T** phải nộp lại 19.500.000 đồng; chị **Nguyễn Kim P1** phải nộp lại 4.250.000 đồng; Chị **Mai Thị Thu H1** phải nộp lại 4.250.000 đồng; chị **Hoàng Thị L** phải nộp lại 500.000 đồng; Chị **Lữ Thị X** phải nộp lại 8.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo **Nguyễn Đức C** hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 108.709.592 đồng (Một trăm linh tám triệu, bảy trăm linh chín nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng), cụ thể:

+ Hoàn trả cho chị **Nguyễn Thị H** (3 gói vay): 5.044.521 đồng;

+ Hoàn trả cho chị **Nguyễn Thị Thúy H2** 8.089.041 đồng;

- + Hoàn trả cho chị [Trần Thị Cẩm N](#) 1.728.767 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Nguyễn Thị Thu A](#) 2.863.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Trương Thị Thu T](#) (3 gói vay) 23.363.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Nguyễn Kim P1](#) 641.781 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Mai Thị Thu H1](#) (2 gói vay) 2.123.288 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Hoàng Thị L](#) 2.890.411 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Lữ Thị X](#) (4 gói vay) 19.883.562 đồng;
- + Hoàn trả cho anh [Phan Ngọc L2](#) 3.363.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Mai Thị T1](#) 3.363.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Võ Thị K](#) 5.726.027 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Phan Thị H3](#) 3.063.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Trương Thị Mỹ L1](#) 2.863.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Hoàng Thị Hoài T2](#) 5.526.027 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Luu Thị Kiều A1](#) 2.863.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Võ Thị H4](#) 3.363.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Trần Thị Hồng V](#) 2.863.014 đồng;
- + Hoàn trả cho anh [Nguyễn Quang Đ](#) 2.863.014 đồng;
- + Hoàn trả cho chị [Nguyễn Thị Y](#) 6.226.027 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

* Lưu hồ sơ vụ án gồm các vật chứng sau:

- 01 (một) hộp chứa 50 card visit có nội dung “Cho vay tiêu dùng”, “Alo là có 0786570967 ([H5](#));

- 01 (một) tập có chứa 100 tờ giấy A5 có nội dung “Cho vay tiêu dùng”, “Alo là có 0786570967 ([H5](#));

- 01 (một) giấy khai sinh số 331 mang tên [Lê Thị Diễm M](#), sinh ngày 07/8/1999 quê quán [T](#);

- 01 bản sao căn cước công dân số 044176000435 mang tên [Hoàng Thị Hoài T2](#), sinh ngày 08/8/1976 và bản sao hộ khẩu [Hoàng Thị Hoài T2](#);

* Chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình để trả lại các giấy tờ sau cho những người liên quan gồm:

- Trả lại cho [Phan Thị H3](#): 01 (một) CCCD số 044176000673 mang tên [Phan Thị H3](#) cấp ngày 28/10/2022;

- Trả lại cho **Trần Thị Cẩm N**: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341715740 cấp ngày 26/01/2018 mang tên **Trần Thị Cẩm N**;

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo **Nguyễn Đức C** gồm các tài sản sau:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đồng, đã bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, lưng màu bạc, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong

(Vật chứng 02 chiếc điện thoại di động trên đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2024).

6. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Bị cáo **C** phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.435.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNVCS - CA Q. Bình;
- Cơ quan CSĐT CA Q. Bình;
- Cục THADS Quảng Bình;
- Vụ GDKT I TANDTC;
- Phòng KTNV - THAHS TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Quảng Giao, H. Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn